

**Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 43

JOB1
CỔ
INST
VI
CHI
H.
V KI

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 2 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 vào ngày 11 tháng 11 năm 2016. Từ ngày 11 tháng 7 năm 2016, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicostone thành Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Xuân Năng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên	
Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp	Thành viên	
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2016
Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2016
Ông Trần Đăng Lợi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Trần Lan Phương	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016
Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2016
Ông Hồ Xuân Năng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2016
Ông Phạm Trí Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lưu Công An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2016
Ông Nguyễn Thế Thái	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Xuân Năng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Phạm Anh Tuấn được ông Hồ Xuân Năng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Ủy quyền số 541/2016/UC - VCS vào ngày 15 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

1802-
NG T,
TNHH
& YC
T NANG
NHAI
A NỘI
M - TP

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone, trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

Ngày 16 tháng 2 năm 2017



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60999244/18489728

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone, được lập ngày 16 tháng 2 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 16 tháng 2 năm 2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Trần Thu Hà
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2499-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.729.081.767.293	2.009.674.055.978
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	433.971.607.316	295.042.603.585
111	1. Tiền		204.816.602.288	140.042.603.585
112	2. Các khoản tương đương tiền		229.155.005.028	155.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	6.153.333.333
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	6.153.333.333
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		699.403.325.617	496.359.427.747
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	685.811.581.102	478.153.302.025
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	11.942.373.761	17.112.297.113
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	26	50.129.329	411.174.181
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		2.356.286.894	4.895.712.580
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(757.045.469)	(4.213.058.152)
140	IV. Hàng tồn kho	6	1.458.170.374.347	1.122.033.575.196
141	1. Hàng tồn kho		1.478.805.743.829	1.155.791.173.210
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(20.635.369.482)	(33.757.598.014)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		137.536.460.013	90.085.116.117
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	3.120.538.968	2.838.769.757
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		134.415.921.045	87.246.346.360

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		589.202.341.970	756.572.192.579
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30.000.000	30.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		30.000.000	30.000.000
220	II. Tài sản cố định		548.377.023.352	597.265.777.339
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	533.661.513.018	580.229.244.316
222	Nguyên giá		1.178.284.256.783	1.159.584.234.054
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(644.622.743.765)	(579.354.989.738)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	14.715.510.334	17.036.533.023
228	Nguyên giá		25.593.215.497	25.593.215.497
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.877.705.163)	(8.556.682.474)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.674.389.078	106.694.557.710
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	4.674.389.078	106.694.557.710
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	10	20.431.293.600	37.602.853.600
251	1. Đầu tư vào công ty con	10.1	-	17.171.560.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	10.2	20.431.293.600	20.431.293.600
260	V. Tài sản dài hạn khác		15.689.635.940	14.979.003.930
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	15.689.635.940	14.979.003.930
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.318.284.109.263	2.766.246.248.557

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.881.645.254.148	1.782.562.046.500
310	I. Nợ ngắn hạn		1.705.038.359.773	1.457.621.488.560
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	540.689.538.667	133.278.910.693
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		9.432.855.894	13.800.672.831
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	50.907.565.233	35.324.494.459
314	4. Phải trả người lao động		2.817.678.011	420.489.638
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	536.697.775	85.389.288.275
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	1.083.352.550.815	1.178.560.448.863
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	17.301.473.378	10.847.183.801
330	II. Nợ dài hạn		176.606.894.375	324.940.557.940
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	176.047.133.246	324.227.719.567
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		559.761.129	712.838.373
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.436.638.855.115	983.684.202.057
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	1.436.638.855.115	983.684.202.057
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		600.000.000.000	529.992.510.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		600.000.000.000	529.992.510.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		60.800.000	322.060.800.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(369.627.974.515)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		61.780.736.819	86.528.858.029
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		774.797.318.296	414.730.008.543
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		300.366.099.878	197.806.945.897
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		474.431.218.418	216.923.062.646
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.318.284.109.263	2.766.246.248.557

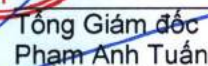


Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga




Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	3.236.573.462.624	2.618.377.651.710
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	475.068.024	2.112.782.862
10	3. Doanh thu thuần (10= 01-02)	19.1	3.236.098.394.600	2.616.264.868.848
11	4. Giá vốn hàng bán	20	2.235.528.836.434	1.857.626.380.262
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10 - 11)		1.000.569.558.166	758.638.488.586
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	25.934.028.466	25.546.480.951
22	7. Chi phí tài chính	21	70.953.282.040	169.979.978.711
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		50.242.971.449	81.066.518.606
25	8. Chi phí bán hàng	22	76.843.762.966	76.966.485.013
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	59.392.068.796	55.523.276.965
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		819.314.472.830	481.715.228.848
31	11. Thu nhập khác		869.766.648	826.873.115
32	12. Chi phí khác		1.140.985.779	9.004.133.907
40	13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)		(271.219.131)	(8.177.260.792)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		819.043.253.699	473.537.968.056
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	139.608.246.117	74.582.447.525
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50 - 51 - 52)		679.435.007.582	398.955.520.531




Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga




Tống Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		819.043.253.699	473.537.968.056
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		67.435.699.472	68.646.037.359
03	Các khoản dự phòng		(16.578.241.215)	(10.722.497.240)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.424.918.995	37.369.290.590
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(8.636.982.094)	(9.974.543.561)
06	Chi phí lãi vay	21	50.242.971.449	81.066.518.606
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		924.931.620.306	639.922.773.810
09	Tăng các khoản phải thu		(233.526.888.855)	(30.387.354.749)
10	Tăng hàng tồn kho		(47.657.999.088)	(204.972.842.238)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		347.417.788.210	(4.262.497.959)
12	Tăng chi phí trả trước		(992.401.221)	(3.200.734.318)
14	Tiền lãi vay đã trả		(50.242.971.449)	(81.066.518.606)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(120.588.242.688)	(62.158.703.926)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(29.228.660.947)	(23.206.173.090)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		790.112.244.268	230.667.948.924
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(138.167.466.331)	(81.061.883.027)
23	Tiền chi cho vay		(310.082.483)	(14.756.240.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.314.483.816	321.923.811.796
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.095.756.852	8.585.780.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.798.972.010	26.932.253.494
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		(114.268.336.136)	261.623.722.263

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.568.640.501.271	1.775.277.336.036
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.829.927.542.985)	(1.879.879.559.769)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(275.186.472.700)	(169.571.493.275)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(536.473.514.414)	(274.173.717.008)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		139.370.393.718	218.117.954.179
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		295.042.603.585	77.253.199.831
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(441.389.987)	(328.550.425)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	433.971.607.316	295.042.603.585



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga




Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 2 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 vào ngày 11 tháng 11 năm 2016. Từ ngày 11 tháng 7 năm 2016, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicostone thành Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS. Từ ngày 11 tháng 7 năm 2016, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicostone thành Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 614 (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 581 nhân viên).

Cơ cấu tổ chức

Trong năm, Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200384937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 14 tháng 7 năm 2009, với mức vốn điều lệ là 100 tỷ đồng Việt Nam. Địa chỉ đăng ký của công ty này đặt tại xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Hoạt động chính của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản; sản xuất mua bán vật liệu xây dựng.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng số 1906/2015/VCS - HKG để chuyển nhượng toàn bộ 1.717.156 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Khang với tổng giá chuyển nhượng là 17.171.560.000 đồng. Trong năm 2015, căn cứ theo hợp đồng chuyển nhượng này, Công ty đã nhận được khoản tạm ứng từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Khang với số tiền là 8.585.780.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Khang đã ký Biên bản Thỏa thuận không thực hiện và chấm dứt Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần này vào ngày 25 tháng 3 năm 2016. Công ty đã tiến hành hoàn trả lại khoản tạm ứng đã nhận trong năm 2015.

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2016, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/VCS-NVD để chuyển nhượng toàn bộ 1.717.156 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị cho ông Nguyễn Văn Dũng với giá chuyển nhượng là 17.171.560.000 đồng. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, các thủ tục pháp lý liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng này đã được hoàn thành và do đó, kể từ ngày này, Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị không còn là công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS là công ty mẹ và có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 10. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cần lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 16 tháng 2 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
dụng cụ và hàng hóa

Thành phẩm và chi phí sản - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí
xuất, kinh doanh dở dang sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định khác	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 - 12 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí khác.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

▶ **Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ này được trích lập để phục vụ việc nghiên cứu, thử nghiệm các nguyên vật liệu, hóa chất mới phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm mà Công ty xuất hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	368.026.848	231.058.970
Tiền gửi ngân hàng	204.448.575.440	139.811.544.615
Các khoản tương đương tiền	229.155.005.028	155.000.000.000
TỔNG CỘNG	433.971.607.316	295.042.603.585

Khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 - 3 tháng tại một số ngân hàng thương mại với mức lãi suất từ 4,5% – 5,5%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	411.153.198.863	300.776.886.615
- Công ty Pental Granite & Marble	167.091.883.482	94.869.049.440
- Công ty Australian Stone Design Marble Work	145.034.272.586	-
- Công ty WK Marble & Granite Pty Ltd	-	175.155.304.210
- Các khoản phải thu khách hàng khác	99.027.042.795	30.752.532.965
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	274.658.382.239	177.376.415.410
TỔNG CỘNG	685.811.581.102	478.153.302.025
Dự phòng phải thu ngắn hạn từ khách hàng	(757.045.469)	(2.467.728.903)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	8.054.658.118	12.084.608.153
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	3.887.715.643	5.027.688.960
TỔNG CỘNG	11.942.373.761	17.112.297.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng đang đi trên đường	26.704.251.421	-	36.923.516.159	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	110.092.084.679	-	162.387.381.159	-
Công cụ, dụng cụ	27.377.003.498	-	31.008.735.399	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	42.920.615.379	-	30.595.300.853	-
Bất động sản để bán đang xây dựng (*)	275.356.571.531	-	-	-
Thành phẩm	315.192.843.718	(20.635.369.482)	495.176.360.629	(33.757.598.014)
Hàng hóa	681.162.373.603	-	399.699.879.011	-
TỔNG CỘNG	1.478.805.743.829	(20.635.369.482)	1.155.791.173.210	(33.757.598.014)

(*) Đây là Dự án nhà thương mại bán cho cán bộ công nhân viên và khách hàng bên ngoài. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã quyết định chuyển nhượng Dự án cho Công ty Cổ Phần Phương Hoàng Xanh A&A – công ty mẹ của Công ty. Vào ngày 5 tháng 1 năm 2017, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đã chấp thuận đề xuất về việc chuyển nhượng này theo Công văn thông báo số 06/TB-UBND. Cho năm tài chính 2016, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay cho dự án này là 5.537.699.831 đồng (cho năm 2015 là: 1.857.114.265 đồng).

Công ty sử dụng một phần hàng tồn kho để cầm cố/ thế chấp cho một số khoản vay ngắn hạn được trình bày tại Thuyết minh số 15.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	(33.757.598.014)	(45.138.389.170)
<i>Cộng: Dự phòng trích lập trong năm</i>	-	-
<i>Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm</i>	13.122.228.532	11.380.791.156
Số cuối năm (**)	(20.635.369.482)	(33.757.598.014)

(**) Đây là khoản dự phòng được trích lập cho một số sản phẩm đá Breston. Các sản phẩm này, theo đánh giá của Phòng Vật tư, Phòng Quản lý Chất lượng và Ban Kinh doanh của Công ty, có chất lượng bị giảm sút, lỗi thời và không đáp ứng được yêu cầu bán hàng và thị hiếu của người tiêu dùng.

Trong năm, một phần khoản dự phòng đã được sử dụng do bán được một số sản phẩm đã được trích lập dự phòng vào các năm trước.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	154.495.713.403	959.647.054.593	27.271.624.778	12.619.443.184	5.550.398.096	1.159.584.234.054
- Mua trong năm	-	15.261.409.861	567.245.455	864.137.291	-	16.692.792.607
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.007.230.122	-	-	-	-	2.007.230.122
Số cuối năm	156.502.943.525	974.908.464.454	27.838.870.233	13.483.580.475	5.550.398.096	1.178.284.256.783
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	44.793.361.779	266.542.061.927	13.069.376.126	2.410.706.508	5.550.398.096	332.365.904.436
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	77.424.826.303	472.398.594.456	17.397.277.785	6.583.893.098	5.550.398.096	579.354.989.738
- Khấu hao trong năm	8.816.087.296	52.457.025.884	2.214.412.289	1.780.228.558	-	65.267.754.027
Số cuối năm	86.240.913.599	524.855.620.340	19.611.690.074	8.364.121.656	5.550.398.096	644.622.743.765
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	77.070.887.100	487.248.460.137	9.874.346.993	6.035.550.086	-	580.229.244.316
Số cuối năm	70.262.029.926	450.052.844.114	8.227.180.159	5.119.458.819	-	533.661.513.018
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (*)	51.074.692.270	439.669.442.237	5.390.414.070	2.155.887.456	-	498.290.436.033

(*) Các tài sản được sử dụng để cầm cố/thế chấp cho một số khoản vay ngắn hạn và dài hạn được trình bày tại Thuyết minh số 15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND		
	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	25.555.215.497	38.000.000	25.593.215.497
Số cuối năm	25.555.215.497	38.000.000	25.593.215.497
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	191.967.400	38.000.000	229.967.400
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	8.518.682.474	38.000.000	8.556.682.474
- Hao mòn trong năm	2.321.022.689	-	2.321.022.689
Số cuối năm	10.839.705.163	38.000.000	10.877.705.163
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	17.036.533.023	-	17.036.533.023
Số cuối năm	14.715.510.334	-	14.715.510.334
Trong đó:			
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (*)	14.072.784.468	-	14.072.784.468

(*) Các tài sản được sử dụng để cầm cố/thế chấp cho một số khoản vay dài hạn được trình bày tại Thuyết minh số 15.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Sửa chữa	2.838.277.753	8.158.068.284
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	1.407.876.759	97.253.186.238
Mua sắm	428.234.566	1.283.303.188
TỔNG CỘNG	4.674.389.078	106.694.557.710

(*) Như được trình bày ở Thuyết minh số 6, trong năm, Công ty đã phân loại Dự án nhà ở cho cán bộ công nhân viên với tổng giá trị là 275.356.571.531 VND sang Hàng tồn kho. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã quyết định chuyển nhượng Dự án cho Công ty Cổ Phần Phương Hoàng Xanh A&A – công ty mẹ của Công ty. Vào ngày 5 tháng 1 năm 2017, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đã chấp thuận đề xuất về việc chuyển nhượng này theo Công văn thông báo số 06/TB-UBND.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm					
	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (VND)
Đầu tư vào công ty con (*)	-	-	-	-	17.171.560.000	1.717.156	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết (**)	20.431.293.600	2.044.800	-	48.870.720.000	20.431.293.600	2.044.800	-	33.739.200.000
TỔNG CỘNG	20.431.293.600	2.044.800	-	48.870.720.000	37.602.853.600	3.761.956	-	33.739.200.000

(*) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do các cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

(**) Giá cổ phiếu để xác định giá trị hợp lý của công ty liên kết là giá đóng cửa ngày giao dịch cuối cùng trong năm tại sàn UPCOM – sàn giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết.

10.1 Đầu tư vào công ty con

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/MCS-NVD để chuyển nhượng toàn bộ 1.717.156 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị cho ông Nguyễn Văn Dũng với giá chuyển nhượng là 17.171.560.000 đồng. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, tất cả các thủ tục pháp lý liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng này đã được hoàn thành và do đó, kể từ ngày này, Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị không còn là công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	31,40%	31,40%

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 13 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 12 tháng 6 năm 2014. Địa chỉ đăng ký của công ty này đặt tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam là 31,40%.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.580.901.792	1.810.725.990
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.539.637.176	1.028.043.767
TỔNG CỘNG	3.120.538.968	2.838.769.757
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	7.211.725.528	7.486.457.929
Công cụ, dụng cụ	2.174.060.957	3.604.206.047
Chi phí sửa chữa TSCĐ	1.547.608.434	544.731.650
Chi phí làm đường	203.224.052	690.961.778
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.553.016.969	2.652.646.526
TỔNG CỘNG	15.689.635.940	14.979.003.930

(*) Đây là khoản thanh toán lần 2 tiền thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, Khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng giá trị hợp đồng và thông tin cụ thể được trình bày cụ thể ở Thuyết minh số 27.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
- SHCP Pte, Ltd.	-	-	17.017.560.000	17.017.560.000
- Eternal Materials Co., Ltd.	80.020.248.000	80.020.248.000	15.450.864.000	15.450.864.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	108.316.406.534	108.316.406.534	95.909.547.592	95.909.547.592
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	352.352.884.133	352.352.884.133	4.900.939.101	4.900.939.101
TỔNG CỘNG	540.689.538.667	540.689.538.667	133.278.910.693	133.278.910.693
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2)	24.414.290.759	139.608.246.117	(120.588.242.688)	43.434.294.188
Thuế nhập khẩu	8.623.449.997	20.953.933.277	(24.608.878.810)	4.968.504.464
Thuế và các khoản phải nộp khác	2.286.753.703	65.185.121.593	(64.967.108.715)	2.504.766.581
TỔNG CỘNG	35.324.494.459	225.747.300.987	(210.164.230.213)	50.907.565.233

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	478.091.425	84.867.160.125
Kinh phí công đoàn	48.206.900	135.509.064
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.399.450	29.124.416
Bảo hiểm xã hội	-	314.383.320
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	43.111.350
TỔNG CỘNG	536.697.775	85.389.288.275
Trong đó:		
Phải trả khác	536.697.775	23.914.646.275
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	61.474.642.000

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	1.178.560.448.863	1.178.560.448.863	1.645.536.631.988	1.740.744.530.036	1.083.352.550.815	1.083.352.550.815	
Vay dài hạn	324.227.719.567	324.227.719.567	29.158.919.283	177.339.505.604	176.047.133.246	176.047.133.246	
TỔNG CỘNG	1.502.788.168.430	1.502.788.168.430	1.674.695.551.271	1.918.084.035.640	1.259.399.684.061	1.259.399.684.061	

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.1 Các khoản vay ngắn hạn

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công	230.242.503.153	10.105.003	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 8 năm 2017
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thạch Thất	183.812.554.931	8.065.492	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 9 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	115.613.430.731	5.075.216	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 8 năm 2017
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Tây Hà Nội	113.239.555.479	4.968.826	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 8 năm 2017
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long	112.484.969.235	4.935.716	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 9 năm 2017
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long – Vay VND	66.185.284.973	-	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh sở giao dịch	64.491.554.233	2.827.337	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 3 năm 2017 tới tháng 9 năm 2017
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	63.743.913.600	2.794.560	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 7 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Láng Hòa Lạc	62.394.784.480	2.739.016	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 5 năm 2017
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Thành	5.244.000.000	230.000	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả trong tháng 8 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội - Khoản vay dài hạn đến hạn trả	56.950.000.000	2.500.000	Lãi và gốc vay trả hàng quý đến ngày 25 tháng 12 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội - Khoản vay dài hạn đến hạn trả - Vay VND	2.800.000.000	-	Lãi và gốc vay trả hàng quý đến ngày 25 tháng 12 năm 2017
Vay ngắn hạn khác	6.150.000.000	-	Lãi và gốc phải trả vào ngày 27 tháng 6 năm 2017
TỔNG CỘNG	1.083.352.550.815	44.241.166	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.2 Các khoản vay dài hạn

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (VND)</i>	<i>Nguyên tệ (USD)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	171.673.735.734	7.536.160	Lãi và gốc vay trả hàng quý từ ngày 25 tháng 3 năm 2018 đến ngày 25 tháng 6 năm 2019
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội – Vay VND	4.373.397.512	-	Lãi và gốc vay trả hàng quý từ ngày 25 tháng 3 năm 2018 đến ngày 25 tháng 6 năm 2019
TỔNG CỘNG	176.047.133.246	7.536.160	

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	10.847.183.801	10.936.183.801
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 17.1)	35.682.950.524	21.695.319.639
Sử dụng quỹ trong năm	(29.228.660.947)	(21.784.319.639)
Số cuối năm	17.301.473.378	10.847.183.801

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND						
Năm trước						
Số đầu năm	529.992.510.000	322.060.800.000	(369.627.974.515)	74.297.617.476	219.298.852.204	776.021.805.165
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	12.231.240.553	(12.231.240.553)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(21.695.319.639)	(21.695.319.639)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(169.597.804.000)	(169.597.804.000)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	398.955.520.531	398.955.520.531
Số cuối năm	529.992.510.000	322.060.800.000	(369.627.974.515)	86.528.858.029	414.730.008.543	983.684.202.057
Năm nay						
Số đầu năm	529.992.510.000	322.060.800.000	(369.627.974.515)	86.528.858.029	414.730.008.543	983.684.202.057
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	(322.000.000.000)	369.627.974.515	(47.627.974.515)	-	-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	22.879.853.305	(22.879.853.305)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	-	(35.682.950.524)	(35.682.950.524)
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (**)	70.007.490.000	-	-	-	(70.007.490.000)	-
- Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	(190.797.404.000)	(190.797.404.000)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	679.435.007.582	679.435.007.582
Số cuối năm	600.000.000.000	60.800.000	-	61.780.736.819	774.797.318.296	1.436.638.855.115

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Công ty đã chia 10.599.800 cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu trích từ Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2016, Nghị quyết số 09/2016/NQ/VCS-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 11 tháng 4 năm 2016 và Nghị quyết số 11/2016/NQ/VCS-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 15 tháng 4 năm 2016.

(**) Việc trích lập các quỹ, trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế năm 2015, 2016, tạm ứng cổ tức trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2016, Nghị quyết số 11/2016/NQ/VCS-HĐQT vào ngày 15 tháng 4 năm 2016, Nghị quyết số 26/2016/NQ/VCS-HĐQT vào ngày 30 tháng 8 năm 2016 và Nghị quyết số 29/2016/NQ/VCS-HĐQT vào ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng Quản trị của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số (VND)	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số (VND)	Cổ phiếu phổ thông
Vốn góp cổ đông	600.000.000.000	60.000.000	529.992.510.000	52.999.251
- Vốn góp của Công ty Cổ phần Phụng Hoàng Xanh A&A	434.933.430.000	43.493.343	307.373.210.000	30.737.321
- Vốn góp của các đối tượng khác	165.066.570.000	16.506.657	222.619.300.000	22.261.930
Thặng dư vốn cổ phần	60.800.000	-	322.060.800.000	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	(369.627.974.515)	(10.599.800)
TỔNG CỘNG	600.060.800.000	60.000.000	482.425.335.485	42.399.451

17.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	260.804.894.000	169.597.804.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	260.804.894.000	169.597.804.000
Cổ tức cho năm 2016 (VND 4.000/cổ phiếu)	190.797.404.000	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ phát hành 7.000.749/52.999.251 mệnh giá/cổ phiếu)	70.007.490.000	-
Cổ tức cho năm 2015 (VND 4.000/cổ phiếu)	-	169.597.804.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2016		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm Số lượng	Số đầu năm Số lượng
Cổ phiếu đã được duyệt	60.000.000	52.999.251
Cổ phiếu đã phát hành	60.000.000	52.999.251
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	60.000.000	52.999.251
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	52.999.251
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	(10.599.800)
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	-	(10.599.800)
Cổ phiếu phổ thông	-	(10.599.800)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	42.399.451
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	42.399.451
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2015: VND 10.000/cổ phiếu).

18. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	6.752.934	5.195.283
- Euro (EUR)	1.090.643	505.614

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.236.573.462.624	2.618.377.651.710
Doanh thu bán hàng	3.236.573.462.624	2.618.377.651.710
Các khoản giảm trừ doanh thu	(475.068.024)	(2.112.782.862)
Giảm giá hàng bán	(475.068.024)	(2.112.782.862)
Doanh thu thuần	3.236.098.394.600	2.616.264.868.848

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU (tiếp theo)

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	17.297.046.372	15.571.937.390
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.365.302.094	9.974.543.561
Cổ tức được chia	3.271.680.000	-
TỔNG CỘNG	25.934.028.466	25.546.480.951

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.759.207.627.012	1.384.113.065.414
Giá vốn của nguyên vật liệu, phụ tùng đã bán	500.557.113.682	498.239.114.241
Thu nhập từ hoàn thuế nhập khẩu	(13.137.477.303)	(11.988.127.043)
Sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.776.200.411)	(11.380.791.156)
Giá vốn khác	(322.226.546)	(1.356.881.194)
TỔNG CỘNG	2.235.528.836.434	1.857.626.380.262

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	50.242.971.449	81.066.518.606
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.710.310.591	88.913.460.105
TỔNG CỘNG	70.953.282.040	169.979.978.711

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí vận chuyển xếp dỡ	53.908.449.538	56.724.208.380
- Chi phí đóng hàng	6.771.598.645	5.765.085.377
- Chi phí bán hàng khác	16.163.714.783	14.477.191.256
TỔNG CỘNG	76.843.762.966	76.966.485.013
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí lương quản lý	23.919.578.005	26.145.130.884
- Chi phí khấu hao	8.188.359.761	8.157.887.278
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	27.284.131.030	21.220.258.803
TỔNG CỘNG	59.392.068.796	55.523.276.965

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	1.953.554.863.404	1.836.767.221.507
Chi phí nhân công	81.348.818.257	79.520.293.561
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	67.435.699.472	68.646.037.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.740.007.751	98.304.254.831
Chi phí khác	17.577.134.122	14.239.354.850
TỔNG CỘNG	<u>2.216.656.523.006</u>	<u>2.097.477.162.108</u>

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") như sau:

Đối với hoạt động bán sản phẩm của nhà máy 1:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động này là 15% lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm bắt đầu từ khi Công ty đi vào hoạt động từ năm 2005 đến năm 2016, và 20% lợi nhuận chịu thuế trong các năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2006 đến năm 2008) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo. Theo đó, thuế TNDN áp dụng cho hoạt động này trong năm là 15% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với hoạt động bán sản phẩm của nhà máy 2 và hoạt động thương mại:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động này là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	139.608.246.117	62.562.491.526
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	12.019.955.999
TỔNG CỘNG	<u>139.608.246.117</u>	<u>74.582.447.525</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>819.043.253.699</u>	<u>473.537.968.056</u>
Thuế TNDN theo mức thuế suất áp dụng cho Công ty	138.810.886.409	83.036.538.928
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Khoản phạt nộp chậm	211.732.922	1.803.328.727
Các khoản chi phí không được khấu trừ	515.294.358	660.972.010
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện đánh giá lại cuối năm các khoản tiền, phải thu	81.908.814	12.537.341
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	12.019.955.999
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện trong năm nay	(11.576.386)	(71.032.175)
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	(22.879.853.305)
Chi phí thuế TNDN	<u>139.608.246.117</u>	<u>74.582.447.525</u>

25. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về địa điểm mà Công ty xuất hàng bán.

Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo địa điểm địa lý nơi Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một thị trường kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

25.1. Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty được thực hiện trên các khu vực địa lý khác nhau chủ yếu bao gồm sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Thông tin về doanh thu và một số tài sản của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động kinh doanh trong nước	Hoạt động kinh doanh xuất khẩu	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	664.661.568.871	2.571.911.893.753	3.236.573.462.624
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu	664.661.568.871	2.571.911.893.753	3.236.573.462.624
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	61.452.259.756	911.944.260.278	973.396.520.034
Giá vốn hàng bán không phân bổ	-	-	(27.173.038.132)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	-	-	1.000.569.558.166
Thu nhập, chi phí không phân bổ	-	-	(181.526.304.467)
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	819.043.253.699
Chi phí thuế TNDN	-	-	(139.608.246.117)
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	679.435.007.582
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản bộ phận	49.240.242.967	635.814.292.666	685.054.535.633
Tài sản không phân bổ	-	-	2.633.229.573.630
Tổng tài sản	-	-	3.318.284.109.263
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.881.645.254.148
Tổng nợ phải trả	-	-	1.881.645.254.148
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	-	-	18.700.022.729
Khấu hao	-	-	67.588.776.716
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	557.790.787.736	2.060.586.863.974	2.618.377.651.710
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu	557.790.787.736	2.060.586.863.974	2.618.377.651.710
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	16.566.624.718	713.146.699.497	729.713.324.215
Giá vốn hàng bán không phân bổ	-	-	(28.925.164.371)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	-	-	758.638.488.586
Thu nhập, chi phí không phân bổ	-	-	(285.100.520.530)
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	473.537.968.056
Chi phí thuế TNDN	-	-	(74.582.447.525)
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	398.955.520.531
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản bộ phận	3.933.128.894	471.752.444.228	475.685.573.122
Tài sản không phân bổ	-	-	2.290.560.675.435
Tổng tài sản	-	-	2.766.246.248.557
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.782.562.046.500
Tổng nợ phải trả	-	-	1.782.562.046.500
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	-	10.264.683.486
Khấu hao	-	-	68.702.778.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

25.1. Bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Các khoản giá vốn hàng bán không phân bổ chủ yếu bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và một số giá vốn khác không phân bổ được theo khu vực địa lý.

Các khoản thu nhập và chi phí ngoài giá vốn hàng bán, các tài sản ngoài nợ phải thu khách hàng và dự phòng phải thu tương ứng và các khoản nợ phải trả, do không xác định được mục đích cho từng hoạt động mà không phân bổ theo khu vực địa lý.

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng chủ sở hữu	Mua hàng hóa	799.836.029.300	741.037.034.238
		Doanh thu bán nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm	241.370.751.541	418.454.676.626
		Thu hồi đầu tư cho vay ngắn hạn		- 297.923.811.796
		Lãi vay phải thu		- 8.379.774.789
Công ty TNHH Stylenquaza	Công ty cùng chủ sở hữu	Doanh thu thành phẩm, vật tư	365.242.168.280	311.102.430.270
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu thành phẩm, vật tư	148.872.494.758	46.080.169.176
		Mua vật tư, thành phẩm	126.384.696.319	73.278.721.626
		Phí gia công phục vụ sản xuất	30.388.500	169.782.942
		Cổ tức nhận được	3.271.680.000	-
		Phí thuê xe	15.500.000	-
		Phí thuê nhà xưởng	960.000.000	960.000.000
		Cho vay ngắn hạn	-	5.000.000.000
		Thu nợ gốc vay	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị	Công ty con (đến ngày 31 tháng 3 năm 2016)	Chuyển khoản cho vay thành vốn góp vào công ty con	-	1.843.922.559
		Chuyển khoản phải thu khác thành vốn góp vào công ty con	-	1.133.797.441
		Cho vay ngắn hạn	148.932.000	756.240.000
Công ty Cổ phần Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Doanh thu bán nguyên vật liệu, vật tư	257.351.324.796	92.943.524.705
		Mua hàng hóa	363.715.759.080	-
		Cổ tức phải trả	138.311.796.000	122.949.284.000
		Trả cổ tức bằng tiền	199.786.438.000	122.949.284.000
		Trả cổ tức bằng cổ phiếu	50.747.660.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm: (tiếp theo)

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Trung tâm Sec G3	Công ty cùng công ty mẹ	Mua tài sản cố định	-	680.203.027
		Doanh thu bán hàng	3.692.544.110	-
		Thuê mặt bằng	667.967.400	-
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Công nghệ Sitech Toàn cầu	Công ty cùng công ty mẹ	Thanh toán tiền dịch vụ	144.299.000	52.257.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Chi phí thi công xây dựng	53.362.256.522	6.276.770.445

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua/bán hàng/dịch vụ với các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường, mức giá này được phê duyệt của Hội đồng Quản trị. Các giao dịch cho vay đối với các bên liên quan theo tỷ lệ lãi suất thỏa thuận.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối năm tài chính không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ khoản phải thu về cho vay ngắn hạn) và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cán trừ công nợ. Các khoản phải thu từ bên liên quan như được trình bày ở Thuyết minh số 5.1 có thời hạn thanh toán từ 3 đến 12 tháng. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 5.1)</i>				
Công ty TNHH Stylenquaza	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu về bán đá thành phẩm	238.555.698.877	177.376.415.410
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu về bán vật tư, thành phẩm	36.102.683.362	-
			274.658.382.239	177.376.415.410
<i>Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 5.2)</i>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Tạm ứng đầu tư XD CB	3.835.458.643	4.975.431.960
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Công nghệ Sitech Toàn cầu	Công ty cùng chủ sở hữu	Tạm ứng tiền dịch vụ	52.257.000	52.257.000
			3.887.715.643	5.027.688.960

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác từ các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Phải thu khác	-	34.745.439
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu lãi vay	-	206.666.666
			-	241.412.105
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 12)				
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả về mua đá thành phẩm	157.052.363.211	4.120.975.133
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Phải trả tiền mua đá thành phẩm	177.403.232.944	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả tiền thi công xây dựng	17.775.815.779	31.740.638
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và công nghệ Sitetech Toàn Cầu	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả về tư vấn thiết kế	97.899.089	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Sec G3	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả tiền văn phòng phẩm, tài sản cố định	23.573.110	748.223.330
			352.352.884.133	4.900.939.101
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 14)				
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	-	61.474.642.000
			-	61.474.642.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	10.486.535.567	9.872.928.169
TỔNG CỘNG	<u>10.486.535.567</u>	<u>9.872.928.169</u>

27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	226.210.950	226.210.950
Trên 1 – 5 năm	904.843.800	904.843.800
Trên 5 năm	2.262.109.500	2.488.320.450
TỔNG CỘNG	<u>3.393.164.250</u>	<u>3.619.375.200</u>

Ngoài ra, Công ty đang thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, Khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng phí thuê đất và sử dụng hạ tầng là 14.686.208.747 đồng Việt Nam (đã bao gồm thuế GTGT 10%) và phí quản lý 3.500 đồng Việt Nam/m²/năm. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty còn phải thanh toán tiền thuê đất với số tiền là 4.343.104.373 đồng Việt Nam khi Công ty nhận bàn giao thực địa (đất có hạ tầng) theo quy định của hợp đồng này.

Kiện tụng

Trong tháng 5 năm 2013, Công ty đã nhận được đơn kiện của Công ty TNHH Cambria ("Cambria"), một công ty được thành lập tại Mỹ, về việc Công ty đã vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ khi bán một số sản phẩm của Công ty tại thị trường Mỹ. Vụ kiện này đang được Tòa án Quận của tiểu bang Minnesota thụ lý giải quyết.

Công ty đã chỉ định Sapia Law Group PLLC là đại diện của Công ty trong vụ kiện này. Vào ngày 6 tháng 11 năm 2013, tòa án Quận Minnesota đã ra quyết định tạm dừng xử lý vụ kiện. Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng, hiện tại, chưa có đầy đủ cơ sở để trích lập dự phòng cho các khoản chi phí bồi thường, nếu có, cho vụ kiện này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga



Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn



Ngày 16 tháng 2 năm 2017



Số: 19 /2017 CV/VCS-QHCĐ
V/v: Giải trình Báo cáo kết quả
kinh doanh riêng năm 2016

Hà Nội, ngày 16 tháng 2 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS (tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone) (mã CK: VCS) xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 so với năm 2015, các chỉ tiêu biến động được giải trình như sau:

I. Chênh lệch trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chi tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Chênh lệch	Tăng/ (giảm)
10	Doanh thu thuần	3,236,098,394,600	2,616,264,868,848	619,833,525,752	23.69%
11	Giá vốn hàng bán	2,235,528,836,434	1,857,626,380,262	377,902,456,172	20.34%
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	1,000,569,558,166	758,638,488,586	241,931,069,580	31.89%
21	Doanh thu hoạt động tài chính	25,934,028,466	25,546,480,951	387,547,515	1.52%
22	Chi phí tài chính	70,953,282,040	169,979,978,711	-99,026,696,671	-58.26%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	50,242,971,449	81,066,518,606	-30,823,547,157	-38.02%
25	Chi phí bán hàng	76,843,762,966	76,966,485,013	-122,722,047	-0.16%
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	59,392,068,796	55,523,276,965	3,868,791,831	6.97%
30	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	819,314,472,830	481,715,228,848	337,599,243,982	70.08%
31	Thu nhập khác	869,766,648	826,873,115	42,893,533	5.19%
32	Chi phí khác	1,140,985,779	9,004,133,907	-7,863,148,128	-87.33%
40	Lợi nhuận khác	-271,219,131	-8,177,260,792	7,906,041,661	-96.68%
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	819,043,253,699	473,537,968,056	345,505,285,643	72.96%
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	139,608,246,117	74,582,447,525	65,025,798,592	87.19%
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	679,435,007,582	398,955,520,531	280,479,487,051	70.30%



II. Nguyên nhân biến động

Năm 2016, VCS STONE tiếp tục tập trung vào phân khúc sản phẩm trung, cao cấp có giá bán cao. Bên cạnh đó, Công ty áp dụng các biện pháp quản lý sản xuất tốt, giá nguyên vật liệu đầu vào giảm làm giá thành sản xuất giảm. Nhờ vậy, Công ty đã đạt mức tăng trưởng lớn về doanh thu và lợi nhuận.

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty năm 2016 tăng 619,833,525,752 đồng (23.69%) so với năm trước, trong đó:

- Doanh thu nguyên vật liệu, phụ tùng tăng 4,436,880,248 đồng (0.85%)
- Doanh thu thành phẩm tăng 615,396,645,504 (29.34%) do giá bán bình quân và thị phần của Công ty tăng lên.

2. Giá vốn hàng bán tăng 377,902,456,172 đồng (20.34%) do số lượng sản phẩm bán ra tăng lên, tương ứng với doanh thu.

- Giá vốn nguyên vật liệu tăng 2,317,999,441 đồng (0.47%)
- Giá vốn thành phẩm tăng 375,094,561,598 đồng (27.10%)

3. Lợi nhuận gộp tăng 241,931,069,580 đồng (31.89%) Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần tăng từ 29.00% (Năm 2015) lên 30.92% (Năm 2016). Nguyên nhân như đã trình bày ở trên: Công ty tập trung vào các sản phẩm mang lại hiệu quả cao và giá thành sản xuất giảm.

4. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 387,547,515 đồng (1.52%) do các nguyên nhân sau:

- Lãi chênh lệch tỷ giá tăng 1,725,108,982 đồng (11.08%)
- Phát sinh khoản cổ tức được chia năm 2016: 3,271,680,000 đồng, năm 2015 không phát sinh.
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm 4,609,241,467 đồng (-46.21%)

5. Chi phí tài chính giảm 99,026,696,671 đồng (-58.26%) nguyên nhân:

- Chi phí lãi vay giảm 30,823,547,157 đồng (-38.02%)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 68,203,149,514 đồng (-76.71%)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 3,868,791,831 đồng (6.97%) nguyên nhân chủ yếu:

- Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 6,267,068,813 đồng (76.67%)
- Chi phí nhân viên quản lý giảm 2,225,552,879 đồng (-8.51%)

7. Chi phí khác giảm 7,863,148,128 đồng (-87.33%) nguyên nhân chủ yếu do năm 2015, theo kết luận thanh tra thuế năm 2009-2013, Công ty phải nộp phạt do tính thuế TNDN của năm 2009-2011 theo mức ưu đãi cao hơn mức được hưởng, số tiền là 8,568,714,298 đồng.



Như vậy, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 tăng 280,479,487,051 đồng tương ứng với 70.30% so với năm 2015 nguyên nhân do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng, doanh thu tài chính tăng, chi phí tài chính giảm, chi phí khác giảm.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Tuấn

